

Bản án số: 09/2024/HS-ST

Ngày 20 - 3 - 2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bàn Văn Tiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nông Thị Hồng Thắm;

Ông Nguyễn Văn Sơn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Triệu Tuấn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Lệ Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Lý Thị H, tên gọi khác: Không; sinh ngày 29 tháng 9 năm 1991, tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: K, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; nơi tạm trú và chỗ ở: Tổ C, K, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Nhân viên Công ty X; trình độ học vấn 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn K (đã chết) và bà Triệu Thị L; có chồng là Nguyễn Văn T (đã chết); con: có 01 con, sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Lạng Sơn kể từ ngày 24/10/2023 đến ngày 06/12/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh đến nay, có mặt.

2. Vi Văn H1, tên gọi khác: Không; sinh ngày 17 tháng 9 năm 1993, tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con

ông Vi Văn C và con bà Nông Thị H2; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Lạng Sơn kể từ ngày 22/9/2023 đến ngày 15/12/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh đến nay, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vi Văn H1*: Ông Vũ Văn Đ - Luật sư thực hiện Trợ giúp pháp lý – thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Bà Lý Thị N, sinh năm 1962, vắng mặt.

2. Ông Vi Văn T1, sinh năm 1965, có mặt.

3. Bà Mỗ Thị S, sinh năm 1975, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

*Người làm chứng*: Vi Trường K1, sinh năm 1975, vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa năm 2021, Lý Thị H (sinh năm 1991, thường trú: K, phường H, TP V, tỉnh Nghệ An) đến gặp người quen là Vi Văn H1 (sinh năm 1993, trú tại: thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn) nhờ tìm mua đất rừng với mục đích để trồng cây phát triển kinh tế. Vi Văn H1 đã đưa Lý Thị H đến nhà ông Vi Trường K1 sinh năm 1975 (là người cùng thôn) để mua thửa đất rừng số 285 tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Đ năm 2009 có diện tích 56.521m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất, hiện trạng là rừng tự nhiên với số tiền là 150.000.000 đồng. Mảnh đất trên đứng tên ông Nông Văn S1, năm 2018 ông S1 bán cho ông Nguyễn Công T2, năm 2020 ông T2 bán cho ông K1, quá trình mua bán giữa các bên chỉ mua bán trao tay, không làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau đó, ông K1 đưa bị cáo H lên rừng chỉ địa điểm và ranh giới của thửa đất, đồng thời ông K1 giao cho H 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nông Văn S1 (Nông Thái S2).

Đến khoảng giữa tháng 02/2023, Lý Thị H có ý định phát rừng để trồng cây (quế, hồi) phát triển kinh tế nên đã gọi điện thoại đến số thuê bao 0363.666.865 của Vi Văn H1 đặt vấn đề nhờ H1 tìm giúp người phát rừng thuê cho H. Trước khi thực hiện hành vi phá rừng, H cũng nói cho H1 biết là việc phát rừng chưa được sự cho phép của cơ quan chức năng có thẩm quyền vì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất Hợp mua vẫn chưa làm xong thủ tục sang tên cho H nên chưa đủ điều kiện để làm thủ tục xin phép cơ quan có thẩm quyền trước khi thực hiện hành vi phá rừng. Ngày 20/02/2023, trong một

lần đi chợ xã Q, huyện T, H1 gặp và hỏi một người phụ nữ khoảng 35 - 40 tuổi nhà ở khu vực giáp ranh giữa xã T và xã Q về việc đặt vấn đề thuê phát rừng với số tiền công là 250.000đ/ngày, người phụ nữ nhận lời. Đến sáng ngày 22/02/2023 người phụ nữ đã dẫn thêm 07 người đến, H1 đưa những người này lên rừng để họ sử dụng dao phát các cây bụi. Đến khoảng 11 giờ ngày 22/02/2023, H đi xe máy đến nhà H1 và lên khu rừng mà H đã mua để kiểm tra việc phát rừng. Sau khi lên đến rừng H thấy việc phát rừng và nói sẽ trả tiền công đầy đủ cho mọi người. Đến ngày hôm sau thì có 12 người do người phụ nữ ở khu vực T - Q gọi đến phát rừng thuê (những người đến phát rừng thuê, H1 và H đều không biết tên, tuổi địa chỉ). Khi mọi người đã phát các cây bụi xong thì H1 báo lại với H về tiền công phát rừng 250.000đ/ngày đối với việc phát các cây bụi nhỏ, 500.000đ/ngày đối với việc chặt hạ các cây gỗ to và được H chuyển khoản số tiền là 5.000.000đ (năm triệu đồng) đến số tài khoản 3120205020734 của H1 tại ngân hàng A, trong đó 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng) là tiền trả cho nhân công phát rừng trong hai ngày 22, 23/02/2023 và số tiền còn lại là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) để thuê người chặt hạ các cây gỗ to trên rừng. H1 đã không thuê người khác mà trực tiếp sử dụng máy cưa cầm tay đến cưa đổ các cây gỗ to trên rừng và trong quá trình làm H1 đã cắt các cây thành từng khúc gỗ để lại trên rừng, sau đó được H chuyển thêm số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) vào tài khoản của H1. Đến khoảng ngày 20/3/2023 H1 lên rừng dùng lửa đốt các cành cây khô đã chặt hạ để phục vụ cho việc trồng rừng. Ngày 06/4/2023, tổ công tác của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T phối hợp với lực lượng Kiểm lâm huyện Trảng Định tiến hành kiểm tra, tuần rừng phát hiện tại thửa đất rừng số 285 (lô 08), khoảnh 5, tiểu khu D có rừng bị chặt phá đã đốt cháy, còn trơ nhiều khúc gỗ và các cành cây khô.

Tại kết quả khám nghiệm hiện trường ngày 31/5/2023 tại khu rừng bị chặt phá tại địa danh Khuổi Nguồn, thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn có tổng diện tích 16.625,5m<sup>2</sup> tại các thửa 285, 282, 272, 250 thuộc tờ bản đồ số 02 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Đ. Cụ thể như sau: thửa đất số 285 thuộc lô 8, khoảnh 5, tiểu khu D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 635711 ngày 24/8/2010 mang tên Nông Văn S1 (Nông Thái S2), sau đó thửa đất 285 đã được chuyển nhượng qua nhiều người, tại thời điểm rừng bị phá, thì thửa đất đang được Lý Thị H quản lý có diện tích bị phá là 14.784,3m<sup>2</sup>; Thửa 282 thuộc lô F, khoảnh 5, tiểu khu D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 635708 ngày 24/10/2010 cho ông Vi Văn T1 trú tại thôn B, xã Đ, huyện T có diện tích rừng bị chặt phá 1.166,4m<sup>2</sup>; Thửa 272 thuộc lô G, khoảnh 5, tiểu khu D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 635701 ngày 24/10/2010 cho ông Hoàng Văn N1, trú tại thôn Bản Chang, xã Đ, huyện T có diện tích rừng bị chặt phá 308,4m<sup>2</sup>; Thửa 250 thuộc lô 17, khoảnh 3, tiểu khu D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 635617 ngày 24/10/2010 cho ông Lý Văn N2 trú tại thôn K, xã Đ, huyện T có diện tích rừng bị chặt phá 366,4m<sup>2</sup>. Tại thời điểm khám nghiệm, hiện trường rừng chặt phá đã đốt, dọn các cây gỗ bị chặt hạ vẫn nằm ngổn ngang tại hiện trường, còn trơ lại gốc cây, lóng gỗ cháy xém. Một số cây vẫn còn nguyên vẹn, lá đã chuyển sang màu vàng nâu.

Các cây gỗ bị chặt phá có đường kính gốc khác nhau từ 10cm đến 52cm, chiều cao từ 02 mét đến 15 mét, các lóng gỗ có chiều dài 01 mét.

Tại Bản kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực lâm nghiệp số 05-2023/KL/GĐCN ngày 16/6/2023 của giám định viên: Hứa Văn V – Kiểm lâm viên – Hạt kiểm lâm huyện T – Người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực lâm nghiệp, thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh L, kết luận:

Diện tích rừng bị phá: Toàn bộ diện tích rừng bị chặt phá tại lô 6, 7, 8, 17 khoảnh 5, 3 tiểu khu D bản đồ hiện trạng rừng xã Đ năm 2022 thuộc các thửa 282, 285, 272, 250 tờ bản đồ số 02, Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Đ năm 2009 là 16.625,5 m<sup>2</sup>.

Trong đó: Diện tích bị rừng chặt phá tại thửa đất số 282 là 1.166,4 m<sup>2</sup>; Diện tích rừng bị chặt phá tại thửa đất số 285 là 14.784,3 m<sup>2</sup>; Diện tích rừng bị chặt phá tại thửa đất số 272 là 308,4m<sup>2</sup>; Diện tích rừng bị chặt phá tại thửa đất số 250 là 366,4m<sup>2</sup>;

Toàn bộ diện tích rừng bị chặt phá thuộc quy hoạch rừng sản xuất là rừng tự nhiên.

Trạng thái rừng, khối lượng gỗ bị chặt phá:

Cây rừng bị chặt hạ thuộc nhóm gỗ thông thường (ký hiệu SP). Mật độ cây gỗ bị chặt phá trong 03 ô tiêu chuẩn 35 cây/500m<sup>2</sup>, khối lượng gỗ trung bình của 03 ô tiêu chuẩn là 3,32m<sup>3</sup>/500m<sup>2</sup>, tương đương mật độ cây gỗ trung bình là 700 cây/ha, khối lượng gỗ 66,40m<sup>3</sup>/ha.

Căn cứ theo Phụ lục I, phân chia trạng thái rừng (Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2018/TT-BNN&PTNT, ngày 16/11/2018 của Bộ N4 quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng): diện tích rừng bị chặt phá tại lô 6, 7, 8, 17 khoảnh 5, 3 tiểu khu D, bản đồ hiện trạng rừng xã Đ năm 2022 thuộc thửa đất số 282, 285, 272, 250 tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Đ năm 2009 thuộc trạng thái là *rừng tự nhiên lá rộng thường xanh nghèo* (50<M≤100)), có ký hiệu TXN.

Khối lượng gỗ bị chặt phá trung bình trên diện tích 16.625,5m<sup>2</sup> là 110,393 m<sup>3</sup>.

Tại Kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐĐGTS, ngày 02/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Giá trị tài sản 110,393m<sup>3</sup> gỗ thông thường bị chặt phá là 49.676.850 đồng.

Thu giữ, tạm giữ của bị cáo Vi Văn H1: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu VIVO màu xanh mặt trước điện thoại bị vỡ màn hình, số IMEI: 861325049188013, lắp 01 sim có số thuê bao 0363666865 đã qua sử dụng, 01 máy cưa cầm tay có nhãn hiệu SLX9588 vỏ máy màu vàng cam đã qua sử dụng;

Thu giữ, tạm giữ của bị cáo Lý Thị H: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu SAMSUNG màu xanh, số IMEI: 355728261008780/01, lắp 02 sim có số thuê bao 0963298133 và 0919883465 đã qua sử dụng.

Tại Cáo trạng số 06/CT-VKSTĐ ngày 10/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn, đã truy tố các bị cáo Lý Thị H, Vi Văn H1 phạm tội Hủy hoại rừng theo điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, cũng như toàn bộ số liệu đo diện tích rừng chặt phá, thiệt hại về gỗ bị chặt phá. Các bị cáo thừa nhận do không nắm được các quy định của pháp luật, không nắm được văn bản đã hướng dẫn, tuyên truyền, các thủ tục theo quy định của các cơ quan có thẩm quyền về việc bảo vệ và phát triển rừng, đặc biệt là việc thay mới, trồng rừng đối với rừng sản xuất. Bản thân các bị cáo thừa nhận số diện tích rừng bị chặt phá trên là mua với gia đình Vi Trường K1, nhưng trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn đứng tên Nông Văn S1 (Nông Thái S2), thửa đất trên đã được mua đi bán lại qua nhiều chủ, nay vẫn chưa làm thủ tục chuyển đổi tên sang cho bị cáo Lý Thị H nên bị cáo chưa làm thủ tục cấp phép trước khi phát rừng; đối với thiệt hại về số gỗ bị chặt phá bị cáo H đã nộp khắc phục toàn bộ giá trị với số tiền 49.676.850 đồng theo kết luận định giá về tài sản bị thiệt hại; đối với chiếc máy cưa là công cụ, phương tiện bị cáo Vi Văn H1 dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo H1 không yêu cầu trả lại; đối với 02 chiếc điện thoại của các bị cáo là dùng vào việc phạm tội nên các bị cáo không yêu cầu trả lại.

Tại Cơ quan điều tra những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N3, bà Mỗ Thị S, và tại phiên tòa ông Vi Văn T1 trình bày diện tích rừng của các ông bà bị Vi Văn H1 và Lý Thị H chặt phá các ông bà đều không có yêu cầu gì, do vậy không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm đ khoản 2, 4 Điều 243; Điều 17; Điều 50; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lý Thị H, Vi Văn H1. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lý Thị H, Vi Văn H1 phạm tội Hủy hoại rừng, đề nghị xử phạt các bị cáo Lý Thị H và Vi Văn H1 mỗi bị cáo 03 năm tù cho hưởng án treo thời gian thử thách cho mỗi bị cáo 05 năm.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền mỗi bị cáo 20.000.000 đồng;

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước 01 máy cưa của bị cáo Vi Văn H1 và 02 chiếc điện thoại di động của các bị cáo Lý Thị H và Vi Văn H1.

Xác nhận bị cáo Lý Thị H đã nộp 49.676.850 đồng để khắc phục toàn bộ hậu quả đã gây ra trong vụ án, số tiền này bị cáo đã tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Định. Số tiền trên cần tuyên nộp ngân sách Nhà nước.

Truy thu số tiền thu lợi bất chính đối với bị cáo Vi Văn H1 3.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Vi Văn H1, nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H1, vì bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, trình độ nhận thức về pháp luật còn hạn chế.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận.

Sau khi tranh luận: Đại diện Viện kiểm sát, luật sư bào chữa vẫn giữ nguyên quan điểm về lời luận tội; bản luận cứ và không bổ sung ý kiến tranh luận; lời nói sau cùng các bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt, xử cho các bị cáo mức án thấp nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bà Lý Thị N, bà Mỗ Thị S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã có đơn xét xử vắng mặt và vắng mặt người làm chứng ông Vi Trường K1. Trong hồ sơ đã có đầy đủ lời khai, xét thấy việc vắng mặt những người nêu trên không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292; Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác đã được cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở khẳng định các bị cáo Lý Thị H, Vi Văn H1 chưa xin phép và chưa được sự cho phép của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc phát rừng nhưng đã có hành vi thuê những người dân tại địa phương thực hiện hành vi hủy hoại rừng, cụ thể: Khoảng giữa tháng 02/2023, Lý Thị H đã bàn bạc với Vi Văn H1 nhờ H1 tìm người thuê để phát rừng cho H và H sẽ trả tiền công đã thuê người chặt phát, hủy hoại cây rừng trái phép tại thửa đất số 285 tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Đ năm 2009 (thuộc lô H, khoảng 5, tiểu khu D)

có diện tích 56.521m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất rừng sản xuất, hiện trạng là rừng tự nhiên. Bị cáo H1 đã trực tiếp dùng máy cưa máy, thuê người chặt phá diện tích đất rừng nói trên. Qua khám nghiệm hiện trường xác định: Diện tích rừng bị chặt phá là 16.625,5m<sup>2</sup> rừng sản xuất là rừng tự nhiên, trạng thái rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh nghèo kiệt có khối lượng gỗ 110.393m<sup>3</sup>. Giá trị về gỗ, lâm sản ngoài gỗ và thiệt hại về rừng chặt phá 49.676.850 đồng. Hành vi của các bị cáo Lý Thị H, Vi Văn H1 đã phạm vào tội: Hủy hoại rừng, thuộc trường hợp nghiêm trọng. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Lý Thị H, Vi Văn H1 về tội Hủy hoại rừng theo điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Đây là vụ án có đồng phạm nhưng thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này có 02 bị cáo, một người là chủ rừng, một người là người làm thuê trả tiền công theo ngày. Do điều kiện hoàn cảnh, mong muốn có nơi phát triển kinh tế lâu dài nên Lý thị Hợp chưa hiểu hết quy định của pháp luật và đặc biệt là pháp luật hình sự nên đã bảo Vi Văn H1 tìm người phát dọn với mục đích trồng cây Q, cây Hồi với mục đích phát triển kinh tế, không nhằm phá rừng để lấy gỗ vì rừng được xác định là rừng nghèo kiệt. Đối với Vi Văn H1 là người chủ động nhận lời với Lý Thị H về việc phát rừng để nhận tiền công, chủ động tìm và thuê người cùng phát dọn. H1 và H đều biết diện tích rừng trên là chưa được cơ quan chức năng cho phép cải tạo rừng tự nhiên nghèo kiệt, nhưng không hiểu là vi phạm pháp luật. Diện tích bị chặt phá là 16.625,5m<sup>2</sup>.

[5] Xét về vai trò, bị cáo Lý Thị H là chủ rừng, là người bỏ tiền thuê H1 phát dọn; đối với Vi Văn H1 là người chủ động nhận lời tìm người làm thuê phát rừng cho H và bản thân bị cáo H1 cũng là người dùng máy cưa để trực tiếp cưa đổ những cây to trên rừng để nhận tiền công từ H. Do đó cơ bản hai bị cáo có vai trò ngang nhau.

[6] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Về nhân thân các bị cáo Lý Thị H và Vi Văn H1 đều có nhân thân tốt; tiền án, tiền sự: Không; chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt hành chính, luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công dân tại ở nơi cư trú. Bị cáo Lý thị H3 có nhân thân và điều kiện khó khăn, sống một mình và nuôi một con nhỏ, có chồng và cha đã chết.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo Lý Thị H và Vi Văn H1 đều phạm tội lần đầu. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo ăn năn hối cải do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Lý Thị H đã tự nguyện khắc phục toàn bộ số tiền thiệt hại 49.677.000 đồng (số tiền thiệt hại thực tế là 49.676.850 đồng về cây thuộc sở hữu Nhà nước), do đó các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo Vi Văn H1 còn có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đó là bố, mẹ bị cáo được Bộ Quyết

định giải quyết chế độ đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ và bản thân bị cáo được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T tặng Giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong đợt huấn luyện dân quân năm 2023.

[8] Ngoài tình tiết định khung, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng khác.

[9] Từ những phân tích đánh giá trên Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo Vi Văn H1 Lý Thị H có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, ngoài ra bị cáo Vi Văn H1 còn có 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra các bị cáo chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú; có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng; trong thời gian tại ngoại vừa qua không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật; có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, các bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo.

[10] Về hình phạt bổ sung: Phạt các bị cáo Lý Thị H và Vi Văn H1 mỗi bị cáo 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

[11] Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc máy cưa của bị cáo Vi Văn H1 và 02 chiếc điện thoại của các bị cáo (đây là phương tiện, dụng cụ dùng vào việc phạm tội).

[12] Xác nhận bị cáo Lý Thị H đã nộp 49.677.000 đồng để khắc phục hậu quả, số tiền này bị cáo đã tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tràng Định. Số tiền trên cần nộp ngân sách Nhà nước.

[13] Truy thu số tiền thu lợi bất chính đối với bị cáo Vi Văn H1 3.000.000 (ba triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

[14] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N3, ông Vi Văn T1, và bà Mỗ Thị S, có diện tích rừng bị Vi Văn H1 và Lý Thị H chặt phá. Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các ông bà không có yêu cầu gì, do vậy không xem xét giải quyết.

[15] Đối với những người làm thuê phát rừng cho Lý Thị H, Vi Văn H1 Cơ quan điều tra Công an huyện T đã tiến hành xác minh tại xã T và xã Q, huyện T nhưng do các bị cáo H, H1 không biết tên, địa chỉ cụ thể của những người làm thuê nên không có căn cứ để xác minh làm rõ.

[16] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, đối với các bị cáo phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ, nên được chấp nhận.



[17] Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Vi Văn H1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H1, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[18] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[19] Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, Điều 332; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ điểm đ khoản 2, khoản 4 Điều 243; Điều 17; điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47; điểm b, s, khoản 1 Điều 51; Điều 50 và Điều 58, khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106; Điều 331; Điều 332; Điều 333; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự đối với bị cáo Lý Thị H;

Căn cứ điểm đ khoản 2 khoản 4 Điều 243; Điều 17; Điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 58; khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106; Điều 331, Điều 332; Điều 333 khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự đối với bị cáo Vi Văn H1;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lý Thị H, Vi Văn H1 phạm tội Hủy hoại rừng.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Lý Thị H 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.2. Xử phạt bị cáo Vi Văn H1 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lý Thị H cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An, giám sát giáo dục trong thời hạn thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Vi Văn H1 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, giám sát giáo dục trong thời hạn thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

*Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo điều 92 Luật thi hành án hình sự.*

*Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên quy định tại Điều 87 Luật thi hành án hình sự thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo; nếu phạm tội mới trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Bộ luật Hình sự hoặc bị xử lý theo quy định tại Điều 93 Luật thi hành án hình sự*

3. Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Lý Thị H 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng; Phạt bị cáo Vi Văn H1 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng:

4.1. Tịch thu để hóa giá nộp ngân sách Nhà nước: 01 máy cưa cầm tay vỏ máy màu vàng cam nhãn hiệu SRX9588 phần đầu có lưỡi cưa gắn vào trục cưa, máy cũ đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Samsung, màu xanh có số IMEI: 355728261008708/01, lắp 02 sim số thuê bao 0963298133 và 0919883465, đã qua sử dụng; 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu VIVO màu xanh mặt trước điện thoại bị vỡ màn hình, số IMEI:1 861325049188013, lắp 01 sim có số thuê bao 0363666865 cũ đã qua sử dụng.

*(vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/01/2024 giữa Công an huyện T và Chi cục thi hành án dân sự huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn).*

4.2. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 41.677.000 (bốn mươi một triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn) đồng của bị cáo Lý Thị H, theo biên lai thu tiền số: 0001820 ngày 02/01/2024 tại Chi cục Thi hành án huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn; Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 8.000.000 (tám triệu) đồng *(theo giấy ủy nhiệm chi chi số 2, giữa đơn vị trả tiền Công An huyện T, đơn vị nhận tiền Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tràng Định, tài khoản số: 3949.0.1054413.00000, tại Kho bạc Nhà nước huyện T, ngày 20/02/2024).*

4.3. Tịch thu số tiền thu lợi bất chính đối với bị cáo Vi Văn H1 3.000.000 (ba triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về án phí: Buộc các bị cáo Lý Thị H, Vi Văn H1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Tràng Định;
- Công an huyện Tràng Định;
- Chi cục THADS huyện Tràng Định;
- Người bào chữa;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- NCQL, NVLQ (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

**Bàn Văn Tiền**

